ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2676 /QĐ-UBND	*Đông Triều, ngày 23 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các trường MN, TH, THCS, TH&THCS và Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn thị xã năm học 2022 - 2023 theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một so điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 4322/UBND ngày 03/11/2021 của UBND thị xã về việc chấn chỉnh tình trạng lạm thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã; Công văn số 4495/UBND ngày 11/11/2021 của UBND thị xã về việc triển khai thực hiện Công văn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021; Công văn số 4541/UBND ngày 19/11/2021 của UBND thị xã về việc hướng dẫn thủ tục trình phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thị xã;

Theo Tờ trình số 1198/TTr-GD&ĐT ngày 18/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các trường MN, TH, THCS, TH&THCS và Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn thị xã năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn thị xã Đông Triều năm học 2022 - 2023.

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục *(Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05 đính kèm).*

Điều 2. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên trên cơ sở các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được phê duyệt của UBND thị xã Đông Triều; tổ chức thực hiện, quản lý thu - chi theo đúng quy định tại Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đông Triều, Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS, TH&THCS, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Thị ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Dũng

CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CẤP THCS NĂM HỌC 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2676/UBND ngày 23 / 12 /2022 của UBND thị xã Đông Triều)

TT	TÊN ĐƠN VỊ	HỌC THÊM TẠI TRƯỜNG (NGOÀI GIỜ HỌC CHÍNH KHÓA)			Kỹ năng sống (đồng/hs/giờ dạy)	Nước uống (đồng/hs/tháng	TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG		Sử dụng điều hòa lớp học
		Các môn học văn hóa (đồng/hs/giờ dạy)	Tin học (tự chọn) (đồng/hs/giờ dạy)	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài (đồng/hs/giờ dạy)			Xe đạp (đồng/xe/hs/tháng)	Xe đạp điện (đồng/xe/hs/tháng)	
1	THCS Bình Dương	8.000	6.000			10.000	25.000	35.000	
2	THCS Nguyễn Huệ	7.500	6.800			10.000	24.000	36.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
3	THCS An Sinh	8.000	6.000			10.000	25.000	35.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
4	THCS Thủy An	8.000	5.000			10.000	25.000	35.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
5	THCS Hưng Đạo	8.500	6.000		19.000	10.000	25.000	35.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
6	THCS Đức Chính	8.000				8.000	25.000	35.000	
7	THCS Lê Hồng Phong	8.000			19.000	8.000	25.000	40.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
8	THCS Nguyễn Du	8.000	6.000	30.000	19.000	10.000	25.000	40.000	
9	THCS Xuân Sơn	8.000	5.000		19.000	10.000	25.000	35.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp

Phụ lục số 04

CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CẤP TH&THCS NĂM HỌC 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2676/UBND ngày 23 / 12 /2022 của UBND thị xã Đông Triều)

TT	TÊN ĐƠN VỊ	HỌC THÊM TẠI TRƯỜNG (NGOÀI GIỜ HỌC CHÍNH KHÓA)				Kỹ năng sống (đồng/hs/giờ dạy)	Nước uống (đồng/hs/tháng	TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG		Sử dụng điều hòa lớp học
		Các môn học văn hóa (đồng/hs/giờ dạy)	Tin học (tự chọn) (đồng/hs/giờ dạy)	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài (đồng/hs/giờ dạy)	Tiếng Anh lớp 1,2 (tự chọn) (đồng/hs/giờ dạy)			Xe đạp (đồng/xe/hs/tháng)	Xe đạp điện (đồng/xe/hs/tháng)	
1	**TH&THCS Việt Dân**									
	Tiểu học		5.000	28.000		19.000	12.000	20.000		Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
	Trung học cơ sở	8.000	5.000				10.000	20.000	35.000	
2	**TH&THCS Tân Việt**									
	Tiểu học		5.000		5.000	19.000	12.000	25.000		
	Trung học cơ sở	8.000	5.000				10.000	25.000	35.000	
3	**TH&THCS Tràng Lương**									
	Tiểu học		5.000	28.000	4.000	19.000	12.000	20.000		Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
	Trung học cơ sở	8.000	5.000				8.000	20.000	30.000	

TT	TÊN ĐƠN VỊ	HỌC THÊM TẠI TRƯỜNG (NGOÀI GIỜ HỌC CHÍNH KHÓA)			Kỹ năng sống (đồng/hs/giờ dạy)	Nước uống (đồng/hs/tháng	TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG		Sử dụng điều hòa lớp học
		Các môn học văn hóa (đồng/hs/giờ dạy)	Tin học (tự chọn) (đồng/hs/giờ dạy)	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài (đồng/hs/giờ dạy)			Xe đạp (đồng/xe/hs/tháng)	Xe đạp điện (đồng/xe/hs/tháng)	
10	THCS Tràng An	8.000	5.000			10.000	20.000	30.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
11	THCS Bình Khê	8.000	5.000			10.000	24.000	36.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
12	THCS Kim Sơn	8.000		30.000	19.000		30.000	40.000	
13	THCS Nguyễn Đức Cảnh	9.000		30.000	19.000	10.000	30.000	40.000	
14	THCS Mạo Khê 1	9.000		30.000	19.000	10.000	30.000	40.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
15	THCS Mạo Khê 2	9.000		30.000	19.000	10.000	30.000	40.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
16	THCS Yên Thọ	8.000		30.000	19.000	9.000	25.000	40.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
17	THCS Yên Đức	8.000				9.000	26.000	30.000	
18	THCS Hoàng Quế	8.000				8.000	20.000	30.000	Theo chỉ số điện năng tiêu thụ thực tế của công tơ lắp đặt tại lớp
19	THCS Hồng Thái Tây	8.000				8.000	20.000	25.000	
20	THCS Hồng Thái Đông	8.000	6.000			8.000	20.000		

Phụ lục số 05

ÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRUNG TÂM GDNN-GDTX NĂM HỌC 2022-2023

NĂM HỌC 2022-2023

hành kèm theo Quyết định số 2676 .../UBND ngày 23/ 12/2022 của UBND thị xã Đông Triều)

Nước uống đồng/hs/ tháng	Học thêm các môn văn hóa (đồng/hs/ tiết)	TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG		
		Xe đạp (đồng/ xe/hs/ tháng)	Xe đạp điện (đồng/ xe/ hs/ tháng)	Xe máy (đồng/ xe/hs/ tháng)
12.000	6.800	15.000	25.000	35.000